

TRƯỜNG THPT TÂN BÌNH
NĂM HỌC 2021 - 2022

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 11B03
BAN TỰ NHIÊN

STT	LỚP MỚI	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	ĐTB	HL	HK	LỚP CŨ	Ghi chú
01	11B03	B03-01	Nguyễn Phương Anh	8.00	Giỏi	Tốt	C03-03	
02	11B03	B03-02	Đinh Thị Lan Anh	7.90	Khá	Tốt	C03-04	
03	11B03	B03-03	Nguyễn Thị Lan Anh	8.00	Khá	Tốt	C04-03	
04	11B03	B03-04	Trương Quỳnh Anh	8.00	Khá	Tốt	C06-02	
05	11B03	B03-05	Võ Tuấn Anh	8.60	Giỏi	Tốt	C06-03	
06	11B03	B03-06	Trần Hồng Ân	7.70	Khá	Tốt	C06-01	
07	11B03	B03-07	Nguyễn Thế Ba	7.90	Khá	Tốt	C04-05	
08	11B03	B03-08	Nguyễn Khoa Bảo	8.20	Giỏi	Tốt	C06-05	
09	11B03	B03-09	Đường Y Bình	8.60	Khá	Tốt	C05-06	
10	11B03	B03-10	Phan Tấn Chiến	7.50	Khá	Tốt	C03-09	
11	11B03	B03-11	Huỳnh Thị Xuân Diệu	7.50	Khá	Tốt	C05-09	
12	11B03	B03-12	Nguyễn Trọng Dương	7.20	Khá	Tốt	C03-12	
13	11B03	B03-13	Tôn Quốc Đại	7.60	Khá	Tốt	C06-07	
14	11B03	B03-14	Trương Hải Đăng	6.20	Yếu	Khá	C05-07	Được xếp lớp nếu thi lại lên lớp
15	11B03	B03-15	Nguyễn Lê Hà	8.20	Giỏi	Tốt	C05-11	
16	11B03	B03-16	Phan Thị Thanh Hiền	8.50	Giỏi	Tốt	C05-15	
17	11B03	B03-17	Lê Mạnh Hùng	8.10	Giỏi	Tốt	C03-17	
18	11B03	B03-18	Dương Minh Huy	8.10	Khá	Tốt	C04-13	
19	11B03	B03-19	Phan Hoàng Huy	7.20	Khá	Tốt	C04-15	
20	11B03	B03-20	Trần Phúc Khang	7.80	Khá	Tốt	C05-17	
21	11B03	B03-21	Trần Đăng Khoa	8.00	Khá	Tốt	C04-20	
22	11B03	B03-22	Trần Nguyên Khôi	7.50	Khá	Tốt	C03-21	
23	11B03	B03-23	Nguyễn Thị Thanh Kiều	8.10	Khá	Tốt	C05-20	
24	11B03	B03-24	Trần Thị Mỹ Lanh	7.70	Khá	Tốt	C05-21	
25	11B03	B03-25	Vũ Đoan Thảo Ly	8.00	Khá	Tốt	C03-23	
26	11B03	B03-26	Đinh Viết Quang Minh	7.90	Khá	Tốt	C03-24	
27	11B03	B03-27	Bùi Thị Kim Ngân	8.30	Khá	Tốt	C04-23	
28	11B03	B03-28	Trần Trịnh Bảo Ngọc	8.00	Giỏi	Tốt	C03-26	
29	11B03	B03-29	Bùi Thị Bảo Ngọc	7.20	Khá	Tốt	C03-27	
30	11B03	B03-30	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	7.70	Khá	Tốt	C04-24	
31	11B03	B03-31	Nguyễn Khánh Nhi	7.90	Khá	Tốt	C05-26	
32	11B03	B03-32	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7.90	Khá	Tốt	C05-27	
33	11B03	B03-33	Võ Thị Hồng Nhung	8.00	Khá	Tốt	C03-30	
34	11B03	B03-34	Nguyễn Thiên Phúc	7.50	Khá	Tốt	C03-32	
35	11B03	B03-35	Thái Kim Phụng	8.90	Giỏi	Tốt	C04-30	
36	11B03	B03-36	Nguyễn Minh Quân	7.00	Khá	Tốt	C04-32	
37	11B03	B03-37	Tô Minh Quý	8.10	Giỏi	Tốt	C03-35	
38	11B03	B03-38	Bùi Ngọc Tâm	8.00	Khá	Tốt	C03-37	
39	11B03	B03-39	Nguyễn Huỳnh Quang Thắng	7.80	Khá	Tốt	C04-36	
40	11B03	B03-40	Phạm Trần Minh Thư	7.70	Khá	Tốt	C03-41	
41	11B03	B03-41	Huỳnh Phương Thùy	8.50	Khá	Tốt	C04-42	
42	11B03	B03-42	Nguyễn Phạm Đình Thuyết	7.70	Khá	Tốt	C05-39	
43	11B03	B03-43	Nguyễn Minh Tiến	6.90	Trung bình	Tốt	C03-42	
44	11B03	B03-44	Văn Thùy Trâm	8.20	Giỏi	Tốt	C04-43	
45	11B03	B03-45	Hứa Lê Kiệt	5.20	Trung bình	Tốt	C14-44	GDHN
46	11B03	B03-46	Dương Nguyễn Diệu Trâm	5.00	Trung bình	Khá	C15-43	GDHN